TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN S
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 67 /2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2018
V/v " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thủy
Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Trúc và bà Đỗ Thị Hằng
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hạnh- Thư ký Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện S tham gia phiên tòa bà: Nguyễn Thị Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 31/8/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 129/2018/HNGĐ - ST ngày 15 tháng 5 năm 2018 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 41 ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1988 (Có mặt)
-Bị đơn: Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)
Đều trú tại: Thôn T, xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện về việc tranh chấp hôn nhân gia đình ngày 4 tháng 5 năm 2018 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày giữa chị và bị đơn là Trần Ngọc T đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 12 năm 2010 tại UBND xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống với nhau vợ chồng hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vì vậy anh, chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay, mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai. Nay chị M xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Chị M trình bầy vợ chồng anh chị có hai con chung với nhau, tên các cháu là Trần Ngọc Tuấn A, sinh ngày 06/10/2012 và cháu Trần Thị Anh Th, sinh ngày 9/9/2014, hiện nay các cháu đang ở cùng chị M. Ly hôn nguyện vọng của chị Mlà xin được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản và phần nợ: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Trần Ngọc T mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập hợp lệ để anh T đến Tòa án cung cấp lời khai, tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng anh T không đến Tòa án, không có lý do, nên vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét và quyết định.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Mai, giải quyết cho chị Nguyễn Thị M ly hôn anh Trần Ngọc T . Về con chung giao hai cháu là Trần Ngọc Tuấn A, sinh ngày 06/10/2012 và cháu Trần Thị Anh Th, sinh ngày 9/9/2014 cho chị Mtrực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về tố tụng: Anh Trần Ngọc T mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và các giấy triệu tập hợp lệ đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham dự phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa, mặc dù không có trở ngại khách quan nào, nhưng anh T không đến Tòa án, không có lý do; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2].Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Trần Ngọc T đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 12 năm 2010 tại UBND xã T, huyện S, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị M trình bày quá trình chung sống với nhau vợ chồng đoàn tụ hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau, dẫn đến sống ly thân từ năm 2014 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Đối với bị đơn là anh Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, mặc dù không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nào nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên được xem là bị đơn từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Mai phù hợp với điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình. Xét đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ và phù hợp, vì vậy chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Mai.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có hai con chung với nhau tên các cháu là Trần Ngọc Tuấn A, sinh ngày 06/10/2012 và cháu Trần Thị Anh Th, sinh ngày 9/9/2014, hiện nay các cháu đang ở cùng chị M. Xét thấy việc yêu cầu được nuôi con của chị M là hoàn toàn chính đáng, cháu Tuấn Avà Anh Th hiện nay đang còn nhỏ và đang ở cùng chị M, anh T không đến Tòa án theo giấy triệu tập, nên không có quan điểm về con chung. Vì vậy xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Tuấn A và Anh Th , nhằm ổn định về tâm lý, căn cứ vào khoản 2 điều 81 luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần giao cả hai cháu cho chị Mai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, anh Tình không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M.

[4].Về tài sản: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[5]. Về án phí***:** Chị Mai phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271,khoản 1 Điều 273, khoản 2 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M, xử cho chị M được ly hôn anh Trần Ngọc T.

Về con chung: Giao các cháu là Trần Ngọc Tuấn A, sinh ngày 06/10/2012 và cháu Trần Thị Anh Th, sinh ngày 9/9/2014 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh Trần Ngọc T không phải đóng góp nuôi con chung cùng chị M.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, chị M và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

Nếu trong quá trình nuôi con chị Mai không chăm sóc chu đáo ảnh hưởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu Tuấn Anh và Anh Th , thì anh T có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện S theo biên lai số

AA/2017/0001197 ngày 14 tháng 5 năm 2018 nay trừ vào án phí ly hôn. Chị M đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng bị đơn. Tuyên bố cho chị Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS S*
- *Các đương sự*
-*UBND xã T*
- *Thi hành án*
- *Giám đốc án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIEN TÒA

Lê Thị Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Hằng **Nguyễn Thị Trúc** **Lê Thị Thủy**

Đào Công Gia Bảo, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2015, hiện nay cháu Bảo đang ở cùng anh Thái. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cháu Gia Bảo cho anh Thái tiếp tục được nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi, chị Nhung không phải đóng góp nuôi con chung cùng anh Thái. Vì vậy Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Nhung và anh Thái.

[4].Về tài sản: Vợ chồng anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*[5]. Về án phí***:** Chị Nhung phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271,khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Toà án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đào Thị Nhung và anh Đào Công Thái.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận nuôi con giữa chị Nhung và anh Thái như sau: Giao cháu Đào Công Gia Bảo, sinh ngày 30 tháng 11 năm 2015 cho

anh Thái tiếp tục được nuôi dưỡng cho đến khi cháu Bảo đủ 18 tuổi, chị Nhung không phải đóng góp nuôi con chung cùng anh Thái.

Chị Nhung đ□ợc quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, anh Thái và các thành viên trong gia đình không đ□ợc ngăn cấm, cản trở. Nếu trong quá trình nuôi con anh Thái không chăm sóc chu đáo ảnh h□ởng đến sự phát triển sức khỏe, học tập, sinh hoạt của cháu Bảo, thì chị Nhung có quyền khởi kiện đến Tòa án yêu cầu thay đổi nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Nhung, anh Thái không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về án phí: Chị Đào Thị Nhung phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án huyện Triệu Sơn theo biên lai số AA/2017/0001221 ngày 5 tháng 6 năm 2018 nay trừ vào án phí ly hôn, chị Nhung đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Tuyên bố cho chị Đào Thị Nhung được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đào Công Thái được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- *VKS Triệu Sơn*
- *Các đương sự*
-*UBND xã An Nông*
- *Thi hành án*
- *Giám đốc án*
- *Lưu hồ sơ*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIEN TÒA

Lê Thị Thủy